

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST

Ngày: 19-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam
2. Ông Mai Văn To

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Hoàng Phận – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2018/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, tên gọi khác: M, sinh năm 1992 tại Long An. ĐKTT: Ấp 3, xã N, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sơn V và bà Huỳnh Thị L; bản thân chưa có vợ; Tiền án: Ngày 19/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xử phạt phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 29/4/2015 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Ngày 16/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xử phạt phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp dưới 2.000.000đ), đến ngày 04/02/2017 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị giam trong vụ án khác từ ngày 13/7/2018 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Hoài N, sinh năm 1996

ĐKTT: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

2. Lê Chí H, sinh năm 1989

ĐKTT: Ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp 7, xã N, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Trần Vĩnh Đ, sinh năm 1994

ĐKTT: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Trần Lý H, sinh năm 1989

ĐKTT: Ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Phan Nhật T, sinh năm 1984

ĐKTT: Ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3/2018 đến tháng 7/2018, Nguyễn Văn S đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn huyện Bến Lức cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 17/3/2018, Nguyễn Văn S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Nguyễn Hoài N để cầm bán lấy tiền đi chơi game bắn cá nên S gọi điện thoại mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, loại 150GP màu xanh - đen, biển số 62N1-429.97 của anh N và nói dối với anh N đi công việc xong về sẽ trả lại xe cho anh N. N tin thật nên đồng ý điều khiển xe đến nhà S ở ấp 3, xã N, huyện B giao xe cho S mượn, rồi S điều khiển xe chở Trần Lý H chạy đến tiệm bắn cá Tuấn Tú ở khu phố 2, thị trấn B chơi game. Khi chơi game thua hết tiền, S nhờ Trần Vĩnh Đ tìm chỗ cầm xe, Đ đồng ý. S nhờ H điều khiển xe mô tô biển số 62N1-429.97 chạy theo Đ đến khu phố 7, thị trấn Bến Lức. Tại đây Đ gặp Phan Nhật T cầm xe cho T với số tiền 10.000.000đ rồi lấy tiền đem về đưa S, S chơi game bắn cá thua hết tiền. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày S về gặp anh N và nói cho anh N biết đã cầm xe và hẹn 03 ngày sau chuộc xe về trả cho anh N rồi sau đó bỏ trốn.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 09/7/2018, Lê Chí H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135cc, biển số 69M1- 015.59 đến nhà của Nguyễn Văn S tại ấp 3, xã N, huyện B để chơi. Lúc này S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của H để cầm lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện hành vi, S giả vờ hỏi mượn xe của anh H và nói dối để đi về nhà vợ có công chuyện. H tin tưởng S nên giao xe cho S mượn. Sau khi mượn được S điều khiển xe đến nhà của vợ ở ấp 3, xã N, huyện B tại đây S gặp một người thanh niên tên N (không rõ họ tên và địa chỉ) nhà ở cầu X, xã L, huyện B, S kêu N cầm xe dùm, N đồng ý chạy xe đi cầm ở đâu không rõ rồi về đưa cho S 3.000.000đ, S chơi game bắn cá thua hết tiền. Sau đó, S nói dối với H xe bị Công an huyện Đức Hòa bắt giữ, H nhiều lần gặp S đề yêu cầu trả lại xe nhưng S không trả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG, ngày 21/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Bến Lức định giá kết luận: xe mô tô biển số 62N1-429.97 trị giá 38.800.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐ ĐG, ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Bến Lức kết luận: xe mô tô biển số 69M1- 015.59 trị giá 14.400.000đ.

Tại cáo trạng số 08/CT-VKSBL ngày 18-12-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Bị hại anh Nguyễn Hoài N trình bày: Ngày 17/3/2018, anh đang ở ấp 2, xã T, huyện B thì S gọi điện cho anh kêu anh qua chở đi công việc gấp nhưng anh không đồng ý và tắt máy, sau đó S gọi điện trách móc nên anh nói xiu nữa anh qua. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày anh đến nhà S thì S nói đưa xe cho S mượn đi công việc gấp, anh đồng ý cho S mượn đến khoảng 23 giờ cùng ngày S đi về và đi bộ, tối mới hỏi xe đâu thì S nói đem cầm xe 1-2 ngày sẽ chuộc về nên anh đồng ý đi về nhà. Qua ngày hôm sau anh đến yêu cầu S đưa xe nhưng S vẫn hứa hẹn nên anh trình báo công an sự việc trên. Sau sự việc xảy ra, anh yêu cầu S bồi thường số tiền đã cầm xe là 38.800.000đ trị giá xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, loại 150GP màu xanh - đen, biển số 62N1-429.97 ngoài ra anh không yêu cầu gì.

Bị hại anh Lê Chí H trình bày: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 9/7/2018 anh xuống nhà của S chơi thì S có hỏi mượn anh xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135cc, biển số 69M1- 015.59 đi công việc một xiu về thì anh đồng ý, ddeensw khoảng 21 giờ cùng ngày anh có nhờ Hải gọi S kêu trả xe thì S không nghe máy. Anh ngồi chờ đến 06 giờ sáng hôm sau thì S về và gặp anh, anh hỏi xe đâu thì S nói bị Công an huyện Đức Hòa bắt để S chuộc về, sau đó nhiều lần anh đến nhà S nhưng S không có nhà đến khoảng 10 ngày 11/7/2018 anh hay tin S bị bắt và anh trình báo công an sự việc trên. Sau sự việc xảy ra, anh yêu cầu S bồi thường số tiền đã cầm xe là 14.400.000đ trị giá xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135cc, biển số 69M1- 015.59 bị mất, ngoài ra anh không yêu cầu gì.

Ý kiến của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 38.800.000 đồng cho anh Nguyễn Hoài N và bồi thường số tiền 14.400.000 đồng cho anh Lê Chí H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm

c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn S từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Trần Vĩnh Đ và Trần Lý H có hành vi chỉ người cầm xe mô tô biển số 62N1-429.97 mà S đã chiếm đoạt của anh N, nhưng Đ và H không biết xe trên do S phạm tội mà có, nên CQĐT không xử lý là phù hợp.

Đối với tên N (không rõ họ tên và địa chỉ) có hành vi tiêu thụ xe mô tô biển số 69M1- 015.59, hiện CQĐT Công an huyện Bến Lức đang tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Riêng đối với Phan Nhựt T có hành vi tiêu thụ xe mô tô biển số 62N1-429.97, Cơ quan CSĐT đã mời T làm việc, đối chất giữa T với Trần Vĩnh Đ về việc cầm xe nhưng T vẫn không thừa nhận và CQĐT không chứng minh được hành vi cầm xe của T, nên CQĐT không xử lý là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, anh Nguyễn Hoài N yêu cầu Nguyễn Văn S bồi thường số tiền là 38.800.000đ trị giá xe xe mô tô biển số 62N1-429.97. Anh Lê Chí H yêu cầu Nguyễn Văn S bồi thường 14.400.000đ trị giá xe mô tô biển số 69M1- 015.59 mà S đã chiếm đoạt, bị cáo S đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên đề nghị công nhận.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, Biên bản định giá tài sản và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Văn S là người thành niên có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi. Xuất phát từ việc không tiền ăn chơi, bắn cá, bị cáo nảy sinh ý định thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách dùng hành vi gian dối tạo lòng tin cho chủ sở hữu tài sản tưởng giả là thật để tin giao tài sản cho bị cáo chiếm đoạt, cụ thể: Từ tháng 3/2018 đến tháng 7/2018, Nguyễn Văn S đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Bến Lức với tổng giá trị tài sản là 53.200.000đ: Khoảng 19 giờ ngày 17/3/2018, Nguyễn Văn S lợi dụng chỗ quen biết bị cáo hỏi mượn Nguyễn Hoài N một xe mô tô biển số biển số 62N1-429.97 được trị giá 38.000.000đ nói dối đi công chuyện một lát quay lại trả nhưng khi có được xe bị cáo đến nhờ Trần Vĩnh Đ đem cầm cho Phan Nhật T với số tiền 10.000.000đ rồi lấy tiền đem về đưa S chơi game bắn cá thua hết tiền và bỏ trốn. Khoảng 18 giờ ngày 09/7/2018 Nguyễn Văn S tiếp tục chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135cc, biển số 69M1- 015.59 của anh Lê Chí H trị giá 14.400.000, nói dối về nhà vợ chút về trả. Nhưng khi có được xe bị cáo chạy đến nhờ một người tên N (không rõ họ tên và địa chỉ) nhà ở cầu X, xã L, huyện Bến Lức đem cầm được 3.000.000đ, S chơi game bắn cá thua hết tiền, như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, do tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 53.200.000 đồng là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó Cáo trạng Viện kiểm sát huyện Bến Lức truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, với bản tính tham lam, động cơ mục đích vụ lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối để người chủ tài sản tin tưởng giao tài sản cho bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt để cầm cố lấy tiền tiêu

xài phục vụ cho lợi ích cá nhân, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn trước tòa bị cáo cũng tự nguyện bồi thường tài sản theo yêu cầu của bị hại. Do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Trần Vĩnh Đ và Trần Lý H có hành vi chỉ người cầm xe mô tô biển số 62N1-429.97 mà S đã chiếm đoạt của anh N, nhưng Đ và H không biết xe trên do S phạm tội mà có, nên CQĐT không xử lý là phù hợp nên không xét đến.

Đối với tên N (không rõ họ tên và địa chỉ) có hành vi tiêu thụ xe mô tô biển số 69M1- 015.59, hiện CQĐT Công an huyện Bến Lức đang tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Riêng đối với Phan Nhựt T có hành vi tiêu thụ xe mô tô biển số 62N1-429.97, Cơ quan CSĐT đã mời T làm việc, đối chất giữa T với Trần Vĩnh Đ về việc cầm xe nhưng T vẫn không thừa nhận và CQĐT không chứng minh được hành vi cầm xe của T, nên CQĐT không xử lý là phù hợp nên không xét đến.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, anh Nguyễn Hoài N yêu cầu Nguyễn Văn S bồi thường số tiền là 38.800.000đ trị giá xe xe mô tô biển số 62N1-429.97. Anh Lê Chí H yêu cầu Nguyễn Văn S bồi thường 14.400.000đ trị xe mô tô biển số 69M1- 015.59 mà S đã chiếm đoạt, tại phiên tòa bị cáo S tự nguyện đồng ý bồi thường. Xét thấy việc thoả thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên công nhận. Do đó, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo S và anh Nguyễn Hoài N, anh Lê Chí H. Bị cáo Nguyễn Văn S có trách nhiệm bồi hoàn cho anh Nguyễn Hoài N số tiền 38.800.000 đồng và bồi thường cho anh Lê Chí H 14.400.000 đồng.

[5] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không thu hồi được nên không xét đến.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn S 02 (hai) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Hoài N, anh Lê Chí H.

Bị cáo Nguyễn Văn S có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Hoài N số tiền 38.800.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn S có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Chí H số tiền 14.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.660.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Long An;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Hùng Cường